

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán:

1/ Bà Vũ Thị Xuân Trang

2/ Bà Vũ Thị Thu Hương

- Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Huỳnh Thụy Yến Vy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên họp phúc thẩm giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 590/2017/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản chung”.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm số 2737/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, chết năm 2010

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm:

1/ Bà Trần Thị H, sinh năm 1950

Địa chỉ: 101B/4 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thị B, sinh năm 1953

Địa chỉ: C13/373 ấp xã N, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ông Trần Văn L, sinh năm 1958

Địa chỉ: 101B/4 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 168 Tổ A, Ấp B, xã P, thị trấn Y, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1955

Địa chỉ: Số 1572 Lê Văn A, Khu phố H, thị trấn Y, huyện Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà B, ông L, bà Đ, bà N: Ông Hồ Lê Minh Duy, sinh năm 1978

Địa chỉ: 291 Đường N, Phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Bà Trần Thị D, sinh năm 1960

Địa chỉ: 160B/6 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hồ Văn C, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 16, Tổ G, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Hồ Thị C, sinh năm 1933

Địa chỉ: C1/34 Ấp J, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước H, sinh năm 1974

Địa chỉ: B6/28 Ấp A, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Hồ Tấn H, sinh năm 1959

Địa chỉ: C8/63 Ấp J, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 26, Tổ L, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh A.

4/ Ông Hồ Văn D, sinh năm 1970

Đại chỉ: Số 18, Tổ M, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh A.

5/ Ông Hồ Văn Dưỡng, sinh năm 1953

Địa chỉ: Số 15, Tổ M, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh A.

6/ Ông Hồ Văn Ráng, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 16, Tổ M, ấp R, xã P, huyện G, tỉnh A.

7/ Ông Huỳnh Công Chiêu, sinh năm 1958

Địa chỉ: B9/21 Ấp A, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 8/12/2016, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 541/2016/TLST-DS về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản chung” giữa nguyên đơn ông Trần Văn S và bị đơn ông Hồ Văn C. Ông S yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 168; 169 (thửa 862 tờ bản đồ số 01-TL 299/TTg), tờ bản đồ số 43 tọa lạc tại Ấp J, xã S, huyện B, Thành phố Hồ Chí

Minh. Năm 2010, ông Trần Văn S chết, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông S gồm bà Trần Thị H, bà Trần Thị B, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị D và bà Trần Thị N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017, quyết định có nội dung sau:

“...Xét thấy: - Nguyên đơn các bà Trần Thị H, bà Trần Thị B, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị D và bà Trần Thị N không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Tấn H và bà Hồ Thị C có yêu cầu độc lập về chia tài sản chung nhưng ông H, bà C không cung cấp được văn bản xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất là tài sản chung chưa chia. Do đó, căn cứ tiêu mục 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐPT ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì ông H, bà C chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đình chỉ trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm g Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015”.

Ngoài ra, quyết định sơ thẩm còn tuyên về hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2017, bà Trần Thị H làm đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, với lý do Tòa án xác định lý do của quyết định đình chỉ là không đúng.

Ngày 11/10/2017, ông Hồ Tấn H, bà Hồ Thị C làm đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm Phán, Hội đồng phúc thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án với lý do nguyên đơn là các ông bà Trần Thị H, Trần Thị B, Trần Văn L, Trần Thị Đ, Trần Thị D, Trần Thị N không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 127 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, theo lời trình bày của bà H lý do Tòa án đưa ra là không đúng vì trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán có yêu cầu bà đi đóng tiền đo vẽ tại Công ty TNHH H và bà đã đóng tiền nộp lại cho Tòa án. Tuy nhiên, Thẩm phán

yêu cầu bà trả lại biên lai đóng tiền đo vẽ cho Công ty H và nhận lại tiền. Mặt khác căn cứ vào hợp đồng đo đạc ngày 04/8/2017 thì nhận thấy bà H có nộp chi phí đo đạc. Do vậy, Tòa án đình chỉ vụ án là không đúng theo quy định.

Bà C và ông H kháng cáo với lý do: Tòa án đình chỉ yêu cầu độc lập của ông H và bà C với lý do ông H, bà C không cung cấp được văn bản xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất là tài sản chung chưa chia. Tuy nhiên, trong đơn kháng cáo của ông H, bà C trình bày là ông bà yêu cầu chia tài sản do người chết để lại mà không có di chúc cho các đồng thừa kế, chứ không phải là chia tài sản chung. Theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: Thời hiệu thừa kế đối với bất động sản là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế (thời điểm mở thừa kế năm 1980), năm 2009 ông H, bà C có đơn yêu cầu chia di sản thừa kế. Như vậy, theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 là còn thời hiệu. Do vậy Tòa án ra quyết định đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông H, bà C là không đúng theo quy định.

Do đó kháng cáo của bà H, ông H, bà C là có cơ sở được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, ông H, bà C. Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức: Ngày 09/10/2017, bà Trần Thị H nhận được Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B. Ngày 10/10/2017, bà H làm đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ trên theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 10/10/2017, ông Hồ Tấn H nhận được Quyết định đình chỉ nêu trên, ngoài ra ông H còn nhận thay và cam kết giao lại Quyết định cho bà Hồ Thị C. Ngày 11/11/2017, ông H, bà C có đơn kháng cáo Quyết định đình chỉ trên theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì việc kháng cáo của các đương sự là còn trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung:

Ngày 25/9/2017, Tòa án nhân dân huyện B đã căn cứ vào Điều 48, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 với lý do “Xét thấy: - Nguyên đơn các bà Trần Thị H, bà Trần Thị B, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Đ, bà Trần Thị D và bà Trần Thị N không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Tấn H và bà Hồ Thị C có yêu cầu độc lập về chia tài sản chung nhưng ông H, bà C không cung cấp được văn bản xác nhận tài sản là quyền sử dụng đất là tài sản chung chưa chia. Do đó, căn cứ tiêu mục 2.4 mục 2 phần I Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐPT ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì ông H, bà C chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đình chỉ trả lại đơn khởi kiện theo quy định tại điểm g Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015” là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Vì đối với phía nguyên đơn Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các ông bà Trần Thị H, Trần Thị B, Trần Văn L, Trần Thị Đ, Trần Thị D và Trần Thị N không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể, ngày 01/9/2017 bà Trần Thị H đã nộp chi phí đo vẽ cho Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng - Dịch vụ bất động sản H theo Quyết định số 50/2017/QĐ-CCTLCC ngày 04/8/2017, nhưng khi bà C nộp lại biên lai thu tiền cho Tòa án nhân dân huyện B thì Tòa án nhân dân huyện B từ chối nhận biên lai vì trễ thời hạn so với Quyết định cung cấp chứng cứ do Tòa án nhân dân huyện B ban hành nên đề nghị bà C trả lại biên lai cho Công ty TNHH Đo đạc - Thiết kế - Xây dựng - Dịch vụ bất động sản H. Bên cạnh đó, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn có 06 người gồm các ông bà Trần Thị H, Trần Thị B, Trần Văn L, Trần Thị Đ, Trần Thị D và Trần Thị N nhưng chỉ có ông Trần Văn L làm bản tự khai trình bày: “Tòa án có yêu cầu tiến hành đo vẽ diện tích đất nhưng vì điều kiện khó khăn nên chúng tôi không thực hiện đo vẽ được”. Như vậy, không có căn cứ cho rằng nguyên đơn là các ông bà Trần Thị H, Trần Thị B, Trần Văn L, Trần Thị Đ, Trần Thị D và Trần Thị N không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Theo đơn yêu cầu độc lập của ông Hồ Tấn H, bà Hồ Thị C yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Hồ Văn Nhân (chết năm 1966) và bà Trần Thị Thôi (chết năm 1980). Ông H, bà C yêu cầu tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 thì “Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản” của Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông H, bà C có đơn yêu cầu độc lập năm 2009, như vậy là còn thời hiệu khởi kiện. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện B ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên với lý do yêu cầu chia tài sản chung mà không có văn bản thỏa thuận là không phù hợp.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tấn H, bà Hồ Thị C là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của đại diện viện kiểm sát là có cơ sở.

Căn cứ điểm c Khoản 5 Điều 314 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Tấn H, bà Hồ Thị C.

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 266/2017/QĐST-DS ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện B để tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H, ông Hồ Tấn H, bà Hồ Thị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà H 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0030514 ngày 10/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho ông H 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0030517 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Hoàn trả cho bà C 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0030516 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Quyết định phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND huyện B;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

Trần Thị Kim Quy